SAO Y; Ủy ban Nhân dân huyện Cầu Ngang; Thời gian ký: 21/07/2023 10:09:31 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71 /KH-UBND	*Cầu Ngang, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

KẾ HOẠCH

Đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện

Thực hiện theo Công văn số 1527/SLĐTBXH-VPBCĐGN ngày 05/7/2023 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân nhân dân huyện xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2023

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện được thực hiện đồng bộ từ huyện đến cơ sở. Kịp thời củng cố kiện toàn Ban Chỉ dạo, phân công thành viên phụ trách cơ sở. Đồng thời chỉ đạo các phòng, ban, ngành huyện có liên quan và UBND các xã, thị trấn quán triệt thực hiện các nội dung liên quan công tác giảm nghèo trong các cuộc họp, kiểm tra định kỳ. Bên cạnh đó, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện trên địa bàn cụ thể như sau: Kế hoạch 59-KH/HU ngày 24/12/2021 của Huyện ủy Cầu Ngang về việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Kế hoạch 59-KH/HU ngày 24/12/2021 của Huyện ủy Cầu Ngang về việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 17/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Tiểu ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện năm 2022; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về tổ chức thực hiện

Phong trào thi đua "Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện năm 2023; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Phong trào thi đua "Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Cầu Ngang năm 2023; Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND huyện về việc thành lập Tổ thẩm định dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cầu Ngang; Chương trình phối hợp số 07/CTrPH-LĐTBXH-MTTQ ngày 13/6/2023 của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện và UBMTTQVN huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện;

II. KẾT QUẢ PHÂN BỔ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG

1. Tình hình huy động phân bổ vốn

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 là: 14.630.972.000 đồng, trong đó:

+ Vốn phân bổ năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023: 4.245.972.000 đồng.

+ Vốn phân bổ năm 2023: 10.385.000.000 đồng.

2. Tình hình sử dụng vốn năm 2023

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững dự kiến giải ngân năm 2023 là: 11.257.638.0000 đồng, Trong 6 tháng đầu năm 2023 chưa giải ngân.

- Nguồn vốn dự kiến giải ngân đến ngày 30/9/2023 gồm: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng; Hỗ trợ việc làm bền vững; Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: 9.539.057.000 đồng. Trong đó: (vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 3.077.057.000 đồng; vốn phân bổ năm 2023 là 6.462.000.000 đồng.

- Nguồn vốn dự kiến giải ngân trong năm 2023 gồm: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình; Giám sát, đánh giá: 1.718.311.000 đồng. Trong đó: vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 559.311.000 đồng; vốn phân bổ năm 2023 là 1.159.000.000 đồng.

- Nguồn vốn dự kiến không sử dụng được trong năm 2023 là 3.373.604.000 đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Công tác tổ chức quản lý, điều hành Chương trình: Tổ chức triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, ban hành kế hoạch giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, các văn bản liên quan đến công tác giảm nghèo và kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và Ban quản lý các xã, thị trấn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời chỉ đạo các thành viên Ban Chỉ đạo theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững huyện phối hợp cùng các ngành chỉ đạo xã, thị trấn tổ chức triển khai và thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ GIẢM NGHÈO

1. Đánh giá thực hiện mục tiêu giảm nghèo

- Giảm hộ nghèo chung: Chỉ tiêu giao giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 là 0,89% (tương đương giảm 330 hộ); số hộ nghèo đầu năm là 1.144 hộ, chiếm tỷ lệ 3,04%. Dự kiến kết quả rà soát cuối năm 2023, số hộ nghèo còn lại 827 hộ, chiếm tỷ lệ 2,20%. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đã giảm 0,89% (tương đương giảm 330 hộ), đạt 100% chỉ tiêu giao.

- Giảm hộ nghèo dân tộc Khmer: Chỉ tiêu giao giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer năm 2023 là 1,62% (tương đương giảm 224 hộ); số hộ nghèo dân tộc Khmer đầu năm là 703 hộ, chiếm tỷ lệ 5,10% so hộ Khmer chung. Dự kiến kết quả rà soát cuối năm 2023, số hộ nghèo dân tộc Khmer còn lại 472 hộ, chiếm tỷ lệ 3,48%. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đã giảm 1,62% (tương đương giảm 224 hộ), đạt chỉ tiêu giao.

2. Kết quả thực hiện các dự án, chính sách hoạt động hỗ trợ giảm nghèo

2.1 Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

*** Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

- Kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 6.285.000.000 đồng (Trong đó: vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 1.786.000.000 đồng và vốn phân bổ năm 2023 là 4.499.000.000 đồng. Nội dung dự án triển khai: Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn các xã, gồm: xã Long Sơn, với kinh phí 590 triệu đồng; xã Nhị Trường, với kinh phí 590 triệu đồng và xã Trường Thọ, với kinh phí 606 triệu đồng theo Công văn số 4067/UBND-VX ngày 16/11/2022 của UBND huyện về việc chấp thuận chọn xã triển khai thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Công văn số 458/UBND-VX ngày 14/02/2023 của UBND huyện về chấp thuận chọn xã triển khai thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, với kinh phí 4.449.000.000 đồng (899.800.000 đồng/xã), gồm các xã: Thạnh Hòa Sơn, Thuận Hòa, Mỹ Hòa, Kim Hòa, Hiệp Hòa.

+ Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND huyện về việc thành lập Tổ thẩm định dự án đa dạng hóa

sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cầu Ngang. Tiến độ thực hiện Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án.

- Nguồn vốn dự kiến giải ngân đến 30/9/2023: 6.285.000.000 đồng đạt 100%.

*** Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (thuộc Dự án 3)**

- Kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 2.462.000.000 đồng (Trong đó: vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 842.000.000 đồng và vốn phân bổ năm 2023 là 1.620.000.000 đồng. Nội dung dự án triển khai: Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn 08 xã, gồm: xã Long Sơn, xã Nhị Trường, xã Trường Thọ, xã Thạnh Hòa Sơn, xã Thuận Hòa, xã Mỹ Hòa, xã Kim Hòa, xã Hiệp Hòa.

- Nguồn vốn dự kiến giải ngân đến 30/9/2023: 2.462.000.000 đồng đạt 100%.

*** Tiểu dự án 2. Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng (thuộc Dự án 3)**

- Kinh phí phân bổ thực hiện trong năm 2023: 190.000.000 đồng. Huyện hoàn trả lại vốn 190.000.000 đồng. Vì hiện nay, Sở Y tế cùng đang triển khai cho các đối tượng, nên trùng với huyện.

*** Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (thuộc Dự án 4)**

- Kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 2.099.605.000 đồng (Trong đó: vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 609.605.000 đồng và vốn phân bổ năm 2023 là 1.490.000.000 đồng. Tình hình triển khai thực hiện: Chưa triển khai thực hiện được lý do: Đến thời điểm hiện nay (12/6/2023) không có đủ đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo để mở lớp vì hộ có thu nhập thấp chưa có hướng dẫn để xác định và khả năng sẽ không sử dụng phần vốn này.

*** Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (thuộc Dự án 4)**

Kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 1.532.000.000 đồng (*Trong đó, vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 448.000.000 đồng và vốn phân bổ năm 2023 là 1.084.000.000 đồng)* đang xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện điều tra, thu thập thông tin thị trường lao động; đào tạo tập huấn bồi dưỡng; khảo sát thu thập thông tin thị trương lao động; thu thập cơ sở dữ liệu việc tìm người – người tìm việc; chuẩn hóa, nhập dữ liệu, vận hành, hiểu chỉnh dữ liệu. Đối tượng, tất cả người lao động trên địa bàn huyện, dự kiến đến cuối năm 2023 sẽ giải ngân được 448.000.000 đồng đạt 29% còn lại 1.084.000.000 đồng. Đề xuất chuyển sang năm 2024 để thực hiện khi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội giao các hoạt động cho huyện thực hiện.

*** Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (thuộc Dự án 6)**

- Kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 344.057.120 đồng (Trong đó, vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 1.057.120 đồng và vốn phân bổ năm 2023 là 343.000.000 đồng. Nội dung triển khai thực

hiện: Tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo ở các ấp, khóm: dự kiến 38 cuộc (15 xã, thị trấn), dự kiến kinh phí 193.095.000 đồng, in tờ rơi tuyên truyền về công tác giảm nghèo và phối hợp với Báo Nông nghiệp Việt Nam vùng Đồng bằng sông Cửu Long thực hiện đẩy mạnh truyền thông từ các sản phẩm bài viết, phóng sự truyền hình, video clip, phát thanh trên nền tảng của Báo điện tử nongnghiep.cn. Dự kiến kinh phí thực hiện 150.000.000 đồng, dự kiến giải ngân đến 30/9/2023: 344.057.120 đồng, đạt 100%.

*** Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình (thuộc Dự án 7)**

- Kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 1.209.000.000 đồng (Trong đó, vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 455.000.000 đồng và vốn phân bổ năm 2023 là 754.000.000 đồng. Nội dung triển khai thực hiện: Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho người hoạt động không chuyên trách của các xã, thị trấn, các chi Hội đoàn thể của ấp, khóm và các nhóm cộng đồng, chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ; các tổ chức và cá nhân có liên quan; tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm; Tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo, dự kiến giải ngân trong năm 2023 đạt 100%.

*** Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (thuộc Dự án 7)**

- Kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 509.310.208 đồng (Trong đó, vốn phân bổ năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2023 là 104.310.208 đồng và vốn phân bổ năm 2023 là 405.000.000 đồng. Nội dung triển khai thực hiện: Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện; Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp, dự kiến giải ngân trong năm 2023 đạt 100%.

2.2 Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo

a) Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

Trong 06 tháng đầu năm 2023, từ các Chương trình cho vay, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đã giải ngân cho 2.309 hộ vay vốn, với tổng số tiền 80.308.200.000 đồng (bình quân 34,78 triệu đồng/1hộ), trong đó:

- Cho vay ưu đãi hộ nghèo: 41 hộ, kinh phí: 2.208.000.000 đồng.
- Cho vay hộ cận nghèo: 40 hộ, kinh phí: 2.088.000.000 đồng.
- Cho vay hộ mới thoát nghèo: 416 hộ, kinh phí: 28.087.500.000 đồng.
- Cho vay học sinh sinh viên: 59 hộ mới, kinh phí: 1.180.000.000 đồng.

- Cho vay Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 1.272 hộ, kinh phí: 23.494.200.000 đồng.

- Cho vay giải quyết việc làm: 358 hộ, kinh phí: 15.636.500.000 đồng.

- Cho vay xuất khẩu lao động: 89 hộ, kinh phí: 6.254.000.000 đồng.

- Cho vay vùng DTTS và miền núi: 34 hộ, kinh phí 1.360.000.000 đồng.

b) Chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế

Trong 06 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn huyện đã in, cấp phát 10.250 thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng, với tổng kinh phí: 8.237.531.000 đồng. Trong đó:

+ Người thuộc hộ nghèo: 1.930 thẻ, kinh phí 1.551.067.000 đồng;

+ Người thuộc hộ cận nghèo: 2.207 thẻ, kinh phí 1.772.667.000 đồng;

+ Người dân đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn: 1.707 thẻ, kinh phí 1.371.373.000 đồng;

+ Người thuộc gia đình làm nghề nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình: 4.406 thẻ, kinh phí 3.542.424.000 đồng. Trong đó, kinh phí đối ứng của đối tượng 50%.

c) Chính sách hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh, tiền ăn, đi lại cho hộ nghèo

Trong 06 tháng đầu năm, đã thực hiện hỗ trợ và chi trả chi phí khám, chữa bệnh cho 4.290 lượt người nghèo, với tổng kinh phí 2.315.261.561 đồng. Trong đó:

+ Hỗ trợ tiền ăn: 49 người, kinh phí hỗ trợ: 20.700.000 đồng.

+ Hỗ trợ chi phí đi lại: 49 người, kinh phí hỗ trợ: 1.370.000 đồng.

+ Quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với người nghèo: 4.192 lượt người, kinh phí: 2.293.190.561 đồng.

d) Chính sách hỗ trợ nhà ở

- Kết quả triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo từ nguồn kinh phí Quỹ An sinh xã hội tỉnh theo Công văn số 533/SLĐTBXH-VPBCĐGN ngày 15/3/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Huyện được tỉnh hỗ trợ 130 căn, kinh phí 5.530.000.000 đồng. Trong đó: đối tượng thuộc nhóm 1: có 13 hộ, kinh phí 650.000.000 đồng (hộ nghèo 04 hộ, cận nghèo 04 hộ, hộ thoát nghèo 05 hộ); đối tượng thuộc nhóm 2: 117 hộ, kinh phí 4.680.000.000 đồng (hộ nghèo 01 hộ, hộ cận nghèo 34 hộ, hộ mới thoát nghèo 82 hộ). Hiện nay, có 111 hộ hoàn thành 100% và 19 hộ đang hoàn thành phần móng và đang xây dựng phần còn lại. Đồng thời có 99 hộ có nhu cầu vay thêm vốn để xây dựng nhà ở khang trang hơn theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:

- Bên cạnh đó, thực hiện theo Công văn số 755/SLĐTBXH-VPBCĐGN ngày 07/4/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh về việc rà soát, báo cáo nhu cầu thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND

tỉnh: Kết quả rà soát huyện có 150 hộ có nhu cầu vay vốn (hộ nghèo 52 hộ, hộ cận nghèo 98 hộ).

e) Chính sách hỗ trợ về giáo dục

- Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021của Chính phủ: Huyện thực hiện chính sách giảm học phí cho 907 học sinh, số tiền 139.000.000 đồng, miễn học phí cho 484 học sinh, số tiền 140.000.000 đồng và hỗ trợ chi phí học tập cho cho 1.755 học sinh, số tiền 1.805.000.000 đồng.

- Chính sách cấp phát học bổng, trang cấp hiện vật, mua sách giáo khoa, bảo hiểm y tế thực hiện theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, huyện hỗ trợ cho 270 học sinh, số tiền 2.686.000.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ: huyện hỗ trợ cho 696 học sinh, số tiền 712.000.000 đồng.

g) Chính sách hỗ trợ tiền điện

Thực hiện Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện và Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội. Trong 6 tháng đầu năm 2023, huyện chi hỗ trợ tiền điện quý I, II năm 2023 cho 2.280 lượt hộ nghèo, số tiền 376.200.000 đồng.

h) Chính sách hỗ trợ hàng tháng từ nguồn Quỹ ASXH tỉnh cho hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội từ 60 tuổi trở lên

- Tổng số danh sách hộ nghèo thuộc diện chính sách Bảo trợ xã hội là người neo đơn từ đủ 60 tuổi trở lên được tỉnh phê duyệt 137 người. Đến 6 tháng đầu năm, huyện đã chi trả cho 274 lượt đối tượng, số tiền 818.000.000 đồng (hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng).

i) Chính sách/hoạt động hỗ trợ cho công tác giảm nghèo khác

- Công tác triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ cho hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công theo Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh và thực hiện theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện, huyện đã chi trả cho 05 đối tượng, quý 1+2 năm 2023, số tiền 30.000.000 đồng (Từ nguồn Quỹ đền ơn đáp nghĩa huyện).

- Nhân dịp Tết Nguyên đán, huyện vận động xã hội hóa, hỗ trợ cho 2.398 lượt hộ nghèo, 2.065 lượt hộ cận nghèo, vui xuân, đón tết, với số tiền trên 2.072.000.000 đồng và tặng quà cho 1.104 hộ nghèo nhận tiền hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán quý mão, với tổng số tiền 552.000.000 đồng. Ngoài ra, các tổ chức Hội, đoàn thể vận động các tổ chức cá nhân chung tay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện cùng vui xuân, đón tết.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy và sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng, ban ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, đặc biệt là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, đạt nhiều kết quả tốt và hỗ trợ kịp thời các chính sách như: chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế, chính sách hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt, hỗ trợ chi phí học tập,... Từ đó, giúp cho đối tượng hưởng ổn định cuộc sống.

- Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thật sự khó khăn về nhà ở do Quỹ An sinh xã hội tỉnh hỗ trợ được kịp thời, từ đó giúp cho đối tượng có được nhà ở cơ bản ổn định, yên tâm sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi cho các đối tượng ngày càng được nâng lên, giúp cho đối tượng có đủ nguồn vốn phát triển sản xuất kinh doanh và tự lực vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Công tác xã hội hóa giảm nghèo ngày càng đạt được nhiều kết quả tích cực, đã tác động nhiều đến đời sống của người nghèo một cách thiết thực, giúp cho hộ nghèo có điều kiện hơn để chăm lo cuộc sống.

2. Tồn tại, hạn chế

- Đối với hộ nghèo ốm đau, bệnh tật hết tuổi lao động hiện tại chưa được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để sinh kế.

- Tỷ lệ hộ thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo và hộ thoát cận nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo của các đối tượng trên còn cao.

- Một bộ phận người dân còn trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước không muốn thoát nghèo.

- Phần lớn các chính sách cho người nghèo mang tính hỗ trợ là chính, vì vậy ít nhiều tạo nên sự trông chờ, ỷ lại của người dân. Mặc khác công tác tuyên truyền về giảm nghèo chưa thường xuyên liên tục, chưa thực sự nâng cao nhận thức của người dân nghèo từ đó tác động đến việc tham gia sản xuất hay tự tạo việc làm có thu nhập ổn định vươn lên thoát nghèo bền vững.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

Công tác giảm nghèo luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện đã quan tâm, tập trung chỉ đạo quyết liệt; luôn bám sát lộ trình hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm tạo được sự đồng thuận và hưởng ứng của cả hệ thống chính trị, góp phần cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo.

Tuy nhiên những kết quả đạt được, công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện trong thời gian tới vẫn còn một số hạn chế: Công tác triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến công tác giảm nghèo tuy được triển khai thực hiện tốt, nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người dân; một số hộ nghèo chưa tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản... Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện được kéo giảm nhanh, nhưng những hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo chưa thật sự bền vững, từ đó những hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo có nguy cơ tái nghào rất cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống, thoát nghèo bền vững, góp phần hoàn thành các mục tiêu về giảm nghèo của huyện.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chỉ tiêu phân bổ của tỉnh và phấn đấu giảm phấn đấu giảm đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao.

- Thực hiện toàn diện, hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo để nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần, phấn đấu trong năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản phù hợp theo các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều tăng từ 1% - 1,5%.

3. Kết quả chủ yếu

Thực hiện công tác giảm nghèo năm 2024 trên địa bàn huyện đạt theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra, sẽ góp phần ổn định cuộc sống của người nghèo, giúp cho hộ nghèo có điều kiện hơn để chăm lo cuộc sống. Bên cạnh đó có nhiều chính sách, nguồn vốn của Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được triển khai thực hiện, tạo điều kiện hộ vay vốn làm ăn, học tập và tạo việc làm, từ đó giúp người dân tập trung tham gia phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn huyện. Ưu tiên hỗ

trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hoạt động:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 1: 8.525.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 5.500.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 825.000.000 đồng.

+ Vốn dự kiến huy động hợp pháp khác (vốn tín dụng ưu đãi từ Chương trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội; vốn người dân đóng góp và vốn huy động hợp pháp khác) 2.200.000.000 đồng.

d) Tổ chức thực hiện: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các xã, các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Dự án theo quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa

dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn huyện.

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hoạt động:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 1: 2.170.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 1.400.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 210.000.000 đồng.

+ Vốn dự kiến huy động hợp pháp khác (vốn tín dụng ưu đãi từ Chương trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội; vốn người dân đóng góp và vốn huy động hợp pháp khác) 560.000.000 đồng.

- Tổ chức thực hiện: phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND các xã, các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm

nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối tượng: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học thuộc đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án.

- Nội dung hoạt động:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 2: 589.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 380.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 57.000.000 đồng.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Y tế huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung "Cải thiện dinh dưỡng" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Các phòng ban ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hoạt động:

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: Tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 1: 2.070.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 1.800.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 270.000.000 đồng.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, phòng Nông nghiệp và Phát triên nông thôn, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các Tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Nội dung hoạt động: Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu việc

tìm người - người tìm việc; hỗ trợ giao dịch việc làm; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 3: 1.150.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 1.000.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 150.000.000 đồng.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn, triển khai thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; nhằm phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở vùng sâu, vùng xa, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hoạt động:

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở tại các xã.

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã, đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin triển khai thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hoạt động:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau", biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 2: 402.500.000 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 350.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 52.500.000 đồng.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND các xã – thị trấn, triển khai thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 650/QĐ-LĐTBXH ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ ấp, khóm, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hoạt động:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 1: 1.081.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 940.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 141.000.000 đồng.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các xã – thị trấn, triển khai thực hiện nội dung hoạt động và mức chi thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu:

+ Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hoạt động:

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Nguồn vốn thực hiện:

Tổng nguồn vốn huy động, lồng ghép dự kiến thực hiện Tiểu dự án 2: 575.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 500.000.000 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án) 75.000.000 đồng.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND các xã – thị trấn, triển khai thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2024: 16.410.500.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngân sách Trung ương phân bổ: 11.870.000.000 đồng.

- Ngân sách địa phương (nguồn ngân sách tỉnh và huyện) dự kiến đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định (tối thiểu 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ năm 2023): 1.780.500.000 đồng.

- Vốn dự kiến huy động hợp pháp khác (vốn đối ứng của nhân dân thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp): 2.760.000.000 đồng.

IV. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực hiện theo Mục V Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND huyện về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành huyện có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, quy mô, chất lượng, hiệu quả của dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình do ngành phụ trách.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, bố trí nguồn kinh phí chi sự nghiệp để đảm bảo hoạt động của Chương trình theo tiến độ và kế hoạch hằng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Tiểu dự án do ngành phụ trách gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo chế độ báo cáo quy định để tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo huyện.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, quy mô, chất lượng, hiệu quả của dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình do ngành phụ trách.

5. Phòng Y tế

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Tiểu dự án do ngành phụ trách gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo chế độ báo cáo quy định để tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo huyện.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, quy mô, chất lượng, hiệu quả của dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình do ngành phụ trách.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Tiểu dự án do ngành phụ trách gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo chế độ báo cáo quy định để tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo huyện.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, quy mô, chất lượng, hiệu quả của dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình do ngành phụ trách.

7. Các phòng, ban, ngành huyện: căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình và địa phương có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, quy mô, chất lượng, hiệu quả của dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình do địa phương chủ trì, quản lý và tham gia thực hiện.

- Phân công, trách nhiệm của từng cấp và các cơ quan chuyên môn trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tổ chức thực hiện và giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Sở Lao động - TB và XH (b/c);
- TT.TU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- BLĐVP, VX;
- Các phòng, ban ngành huyện (3 hệ);
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG T. TRÀ VINH

Nguyễn Thanh Hùng

Biểu số I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2023 VÀ ĐỀ XUẤT NĂM 2024

(kèm theo Kế hoạch số 71 /KH-UBND ngày 21 /7/2023 của UBND huyện Cầu Ngang)

STT	Chương trình	Đơn vị tính	Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025				
			2021	2022	2023		Đề xuất năm 2024
					6 tháng đầu năm	Ước cả năm 2023	
MỤC TIÊU THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 90/QĐ-TTG NGÀY 18/01/2022 CỦA TT CHÍNH PHỦ							
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm hằng năm	%/năm		3.17		0,89	
2	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm hằng năm	%/năm		6,18		0,83	
3	Giảm số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia						
a)	Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đầu năm báo cáo	Hộ		2.328			
b)	Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm báo cáo	Hộ		3.921	1.144	827	725
c)	Tỷ lệ giảm số hộ nghèo giữa đầu kỳ so với cuối kỳ báo cáo	%		3,17	3,17	4,06	0,24
d)	Số hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đầu năm báo cáo	Hộ		3.921	935	681	528
đ)	Số hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm báo cáo	Hộ		935	935	681	528
e)	Tỷ lệ giảm số hộ cận nghèo giữa đầu kỳ so với cuối kỳ báo cáo	%		7,97	0	0,38	0,2
4	Mục tiêu, chỉ tiêu về đào tạo, nâng cao năng lực						
	Tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn	%		100		100	100
5	Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản						
a)	Chiều thiếu hụt về việc làm:						
(1)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, HCN hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	%					
(2)	Số người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công	Người					
	Chiều thiếu hụt về y tế:						
(1)	Tỷ lệ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế	%					
c)	Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:						
(1)	Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi	%		100		100	100
(3)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp	%					
đ)	Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:						
(1)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%					
(2)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	%					
e)	Chiều thiếu hụt về thông tin:						
(1)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, in-tơ-nét	%					

Biểu số II

KẾT QUẢ PHÂN BỔ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(kèm theo Kế hoạch số 71 /KH-UBND ngày 21 /7/2023 của UBND huyện Cầu Ngang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương								Ngân sách địa phương							
		KH vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPT năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			KH vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPT năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		
		ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
1	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**		**1.786**					**1.786**	**1.786**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**		**842**					**842**	**842**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2.1	*Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*		842					842	842								
2.2	*Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*		0					0	0								
3	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm**		**1.057,605**					**448**	**448**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3.1	*Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*		609,605					0	0								
3.2	*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*		448					448	448								
4	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**		**1,057**					**1,057**	**1,057**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
4.1	*Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*		0					0	0								
4.2	*Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo*		1,057					1,057	1,057								
5	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**		**559,310**					**0**	**559,311**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
5.1	*Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*		455					0	455								
5.2	*Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá*		104,310					0	104,311								
TỔNG CỘNG		**0**	**4.245,972**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.077,057**	**3.636,368**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

BIỂU SỐ III

KẾT QUẢ PHÂN BỔ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(kèm theo Kế hoạch số 71 /KH-UBND ngày 21 /7/2023 của UBND huyện Cầu Ngang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương								Ngân sách địa phương								Huy động khác			
		Kế hoạch vốn năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPT năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPT năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2023			Kế hoạch huy động	Kết quả giải ngân		
		ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm		Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
Tổng cộng		0	**10.385**	0	**0**	**0**	0	**6.462**	**7.621**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**		**4.499**					**4.499**	**4.499**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**		**1.810**					**1.620**	**1.620**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2,1	*Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*		1.620					1.620	1.620												
2,2	*Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*		190					0	0												
3	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm**		**2.574**					**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3,1	*Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*		1490					0	0												
3,2	*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*		1084					0	0												
4	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**		**343**					**343**	**343**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
4,1	*Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*		0																		
4,2	*Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo*		343					343	343												
5	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**		**1.159**					**0**	**1.159**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
5,1	*Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*		754					0	754												
5,2	*Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá*		405					0	405												

BIỂU SỐ IV

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

(kèm theo Kế hoạch số 71 /KH-UBND ngày 21 /7/2023 của UBND huyện Cầu Ngang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác
		Tổng	ĐTPT	Sự nghiệp	Tổng	ĐTPT	Sự nghiệp	Tổng
Tổng cộng		**11.870**	**0**	**11.870**	**1.035**	**0**	**1.780,5**	**2.760**
1	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**5.500**		**5.500**	**825**		**825**	**2.200**
2	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**1.780**		**1.780**	**210**		**267**	**560**
2,1	*Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*	1.400		1.400	210		210	560
2,2	*Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*	380		380	0		57	0
3	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm**	**2.800**		**2.800**	**0**		**420**	**0**
3,1	*Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*	1.800		1.800	0		270	0
3,2	*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*	1.000		1.000	0		150	0
4	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	**350**		**350**	**0**		**52,5**	**0**
4,1	*Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*	0		0	0		0	0
4,2	*Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo*	350		350	0		52,5	0
5	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**	**1.440**		**1.440**	**0**	**0**	**216**	**0**
5,1	*Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*	940		940	0		141	0
5,2	*Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá*	500		500	0		75	0